

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-6-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 10-02-2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. N đơn: Chị **Đào Hồng N**, sinh năm 1986 (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã Đông H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/11/2019, biên bản hòa giải ngày 12/3/2020 và trong quá trình xét xử, N đơn chị Đào Hồng N trình bày:*

Chị và anh Lê Văn T chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện U Minh Thượng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/8/2010. Cuộc sống vợ thật sự hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường cãi nhau, anh T ghen tuông vô cớ, đánh đập chị nhiều lần dù không có bất cứ lý do gì, vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn nhưng anh T vẫn không

sửa đổi tính tình nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được và thật sự đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2019 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Lê Chí N, sinh ngày 21/9/2012, hiện chị đang nuôi.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn anh Lê Văn T;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản hòa giải ngày 12/3/2020 bị đơn anh Lê Văn T trình bày:*

Về thời gian anh và chị Đào Hồng N cưới nhau, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, họ tên ngày tháng năm sinh của con; vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp là hoàn toàn đúng như ý kiến trình bày của chị N nêu trên. Anh thừa nhận trong thời gian vợ chồng chung sống và trong lúc cãi nhau anh có đánh vợ bằng tay vài lần và vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ tháng 10 năm 2019 đến nay.

Nay theo yêu cầu của chị N, anh có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Đào Hồng N, vì lý do vẫn còn thương vợ.

Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- N đơn chị Đào Hồng N vẫn giữ N ý kiến trình bày và yêu cầu như trên, đồng thời có bổ sung lý do không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ điều kiện để nuôi con chung, hiện tại chị đang làm thuê nên thu nhập ổn định mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng N đơn chị Đào Hồng N, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh Lê Văn T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho chị Đào Hồng N ly hôn anh Lê Văn T; về nuôi con chung, giao Lê Chí N, sinh ngày 21/9/2012 là con chung của hai người cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con cùng chị N; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Lê Văn T, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên HĐXX phải hoãn phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa N đơn chị Đào Hồng N không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên hòa giải ngày 12/3/2020, N đơn chị N và bị đơn anh T thống nhất với nhau về con chung, về tài sản, về nợ, N nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân nhau. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Hồng N và anh Lê Văn T khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện U Minh Thượng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/8/2010. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Hồng N thấy rằng: Qua các chứng cứ thu thập được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự xác định được, quá trình chung sống giữa chị N và anh T đã phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong một thời gian dài, và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Bản thân anh T khi hòa giải tuy không đồng ý ly hôn với chị N, nhưng anh lại thừa nhận N nhân dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bản thân anh vì quá thương chị N nên thường nghi ngờ tình cảm của chị N không dành trọn cho anh, mà có thể dành cho người đàn ông khác nên làm cho vợ chồng cãi nhau nhiều lần, trong lúc cãi nhau anh có vài lần đánh chị N bằng tay.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh T là có thật, phù hợp với lời trình bày của chị N, anh T nêu trên (Bút lục số 29).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Chị N và anh T đã cùng thống nhất xác định tại biên bản hòa giải ngày 12/3/2020, vợ chồng có 01 đứa con chung tên Lê Chí N, sinh ngày 21/9/2012.

Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi nhưng anh T không đồng ý mà có ý kiến yêu cầu được nuôi.

HĐXX xét thấy, yêu cầu được nuôi con của anh T là chưa hợp lý, bởi từ khi ly thân đến nay con do chị N trực tiếp nuôi và phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác, hơn nữa cháu Lê Chí N đến thời điểm này cũng đã hơn 07 tuổi và cháu N đã có ý kiến bằng văn bản sau khi cha mẹ (chị N, anh T) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị N. Vì vậy, cần giao cháu Lê Chí N, sinh ngày 21/9/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị N và anh T ly hôn là phù hợp theo nguyện vọng của cháu Lê Chí N và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của chị N nêu ra và chứng cứ thu thập được thì hiện nay chị có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

[6] Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Giữa N đơn chị N và bị đơn anh T đã thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: N đơn chị Đào Hồng N có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đào Hồng N ly hôn anh Lê Văn T.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Lê Chí N, sinh ngày 21/9/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng (*có đơn trình bày nguyện vọng của Lê Chí N*), anh T không cấp dưỡng nuôi con cùng chị N sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Đào Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007676 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/6/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh